

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 04-7-2019  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Mỹ Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Phú Tâm
2. Ông Tô Thiện Tấn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa:** Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 247/2019/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991; Thường trú: Thôn Th, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; Tạm trú: Số 36/7 khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng P, sinh năm 1984; Thường trú: Thôn Th, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; Tạm trú: Số 36/7 khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Chị Nguyễn Thị H có yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh Nguyễn Trọng P vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 14/3/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Trọng P tìm hiểu nhau thời gian 06 năm thì tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 88, quyền số 02/2011 cấp ngày 30/8/2013.

Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng sống tại 36/7 khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Anh P làm nghề nhôm kính, thu nhập bao nhiêu chị H không rõ. Chị H làm công nhân, thu nhập 7.000.000 đồng/tháng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh P không lo làm việc kiếm tiền phụ giúp chị H chăm lo cho con và gia đình mà suốt ngày uống rượu say xỉn về nhà kiếm chuyện gây sự có khi còn đánh vợ con. Do không lo làm ăn nên cửa hàng nhôm kính của anh P phải đóng cửa, nợ nần chị H phải đứng ra trả. Hiện nay anh P không có nghề nghiệp nên 01 mình chị H phải chăm sóc nuôi dạy con. Chị H đã cho anh P nhiều cơ hội để hàn gắn và khuyên anh tìm công việc mới nhưng anh không quan tâm. Gia đình hai bên đều biết mâu thuẫn của vợ chồng, có khuyên nhủ hàn gắn nhưng không có kết quả. Từ giữa tháng 3 năm 2019, chị H cùng con đã chuyển đến nơi khác sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm và cùng nhau chăm sóc con. Nay chị Nguyễn Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Trọng P.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 11/02/2014. Hiện nay con đang sống cùng với chị H. Trong suốt thời gian anh chị sống ly thân, anh P không hề hỏi thăm hay đến thăm con, 01 mình chị H đi làm công nhân tại Công ty cổ phần Công nghiệp Đông Hưng thu nhập 7.000.000 đồng/tháng và nuôi dạy, chăm sóc con. Do đó, sau khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh P phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Trọng P đã được Toà án thông báo tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh Nguyễn Trọng P không đến Toà án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố nào, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Ngày 25/4/2019, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Trọng P tại địa phương và được cung cấp: Hội liên hiệp phụ nữ phường A không nhận được đơn đề nghị hòa giải quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Trọng P. Đồng thời Hội cũng không tiếp nhận phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn giữa hai anh chị, do đó không biết rõ giữa hai anh chị có mâu thuẫn như thế nào.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án: nguyên đơn chấp hành đúng

pháp luật về tố tụng dân sự và có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cháu Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 11/02/2014 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H không yêu cầu anh Nguyễn Trọng P cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 14/6/2019 và ngày 04/7/2019 nhưng bị đơn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Trọng P tìm hiểu nhau 06 năm thì tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 88, quyền số 02/2011 cấp ngày 30/8/2013 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị H cho rằng từ cuối năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh P không lo làm việc kiếm tiền phụ giúp chị H chăm lo cho con và gia đình mà suốt ngày uống rượu say xỉn về nhà kiếm chuyện gây sự có khi còn đánh vợ con. Do không lo làm ăn nên cửa hàng nhôm kính của anh P phải đóng cửa, nợ nần chị H phải đứng ra trả. Hiện nay anh P không có nghề nghiệp nên 01 mình chị H phải chăm sóc nuôi dạy con. Chị H đã cho anh P nhiều cơ hội để hàn gắn và khuyên anh tìm công việc mới nhưng anh không quan tâm. Gia đình hai bên đều biết mâu thuẫn của vợ chồng, có khuyên nhủ hàn gắn nhưng không có kết quả. Từ giữa tháng 3 năm 2019, chị H cùng con đã chuyển đến nơi khác sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm và cùng nhau chăm sóc con.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và đã nhiều lần triệu tập anh Nguyễn Trọng P đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Nguyễn Trọng P không có mặt, chị Nguyễn Thị H cũng có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải với anh Nguyễn Trọng P. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng của anh chị đã thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Việc anh Nguyễn Trọng P bỏ mặc không quan tâm đến hòa giải đoàn tụ để hàn gắn quan

hệ hôn nhân với chị Nguyễn Thị H cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Trọng P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 11/02/2014.

Xét, trong suốt quá trình tố tụng, anh P vắng mặt nên không có ý kiến về việc nuôi con chung. Hiện nay cháu B đang sống cùng chị H, chị H là người trực tiếp chăm sóc nuôi dạy con. Với thu nhập công nhân tại Công ty cổ phần Công nghiệp Đông Hưng là 7.000.000 đồng/tháng, chị H có đủ điều kiện để chăm lo cho con. Bên cạnh đó, cháu B là con gái, lại còn nhỏ nên cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Xét thấy, khi giải quyết ly hôn, việc giao con cho cha hay mẹ nuôi thì phải đảm bảo được sự phát triển toàn diện về mọi mặt cho đứa trẻ. Từ những nhận định trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị H về việc tiếp tục được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Nguyễn Ngọc B. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với anh Nguyễn Trọng P về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Trọng P.

- Về con chung: Anh Nguyễn Trọng P có trách nhiệm giao con chung tên Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 11/02/2014 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H không yêu cầu anh Nguyễn Trọng P cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Trọng P đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh Nguyễn Trọng P lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị Nguyễn Thị H nuôi con thì chị có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0028271, ngày 27/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Án xử công khai, tuyên án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phan Thị Mỹ Dung**